

Phả Lại, ngày 30 tháng 05 năm 2025

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai chất lượng giáo dục cuối năm học 2024-2025

Hôm nay, 16h30 ngày 30 tháng 05 năm 2025.

Tại: Trường Tiểu học Phả Lại, chúng tôi gồm:

- | | |
|-----------------------------|---------------------------------------|
| 1. Đ/c Đinh Thị Chinh | Hiệu trưởng – Bí thư Chi bộ - Chủ tọa |
| 2. Đ/c Phạm Thị Thuỷ | Phó HT – Phó BTCB- PHT |
| 3. Đ/c Trần Thị Ngọc Hoa | Phó hiệu trưởng |
| 4. Đ/c Nguyễn Thị Kim Oanh | CTCB |
| 5. Đ/c Nguyễn Thị Hoạt | Tổ trưởng tổ 4+5 |
| 6. Đ/c Nguyễn Thị Hiền | Tổ trưởng tổ 1 |
| 7. Đ/c Lê Thị Lan | Tổ trưởng 2+3 |
| 8. Đ/c Nguyễn Thị Thuỷ Dung | Tổ trưởng tổ môn Chuyên |
| 9. Đ/c Khúc Thị Kim Hoa | Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 10. Đ/c Nguyễn Thị Vui | Bí thư đoàn thanh niên – Thư ký |
| 11. Đ/c Nguyễn Đức Thuận | Tổng phụ trách Đội |
| 12. Đ/c Nguyễn Thị Ngọc Anh | Kế toán- TT tổ VP |

Lập biên bản về việc niêm yết công khai chất lượng giáo dục cuối năm học 2024-2025.

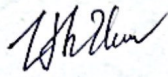
Địa điểm niêm yết tại bảng tin nhà trường và trong cuộc họp toàn Hội đồng.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ ngày 30 tháng 05 năm 2025 đến hết ngày 29 tháng 06 năm 2025 (30 ngày liên tục), theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Các thành viên có ý kiến, kiến nghị, phản ánh về các bản công khai trên gửi ý kiến về Ban lãnh đạo nhà trường bằng văn bản. Người nhận: Đ/c: Trần Thị Ngọc Hoa- Phó hiệu trưởng (trong thời gian niêm yết).

Biên bản lập xong hồi 17h 00 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ



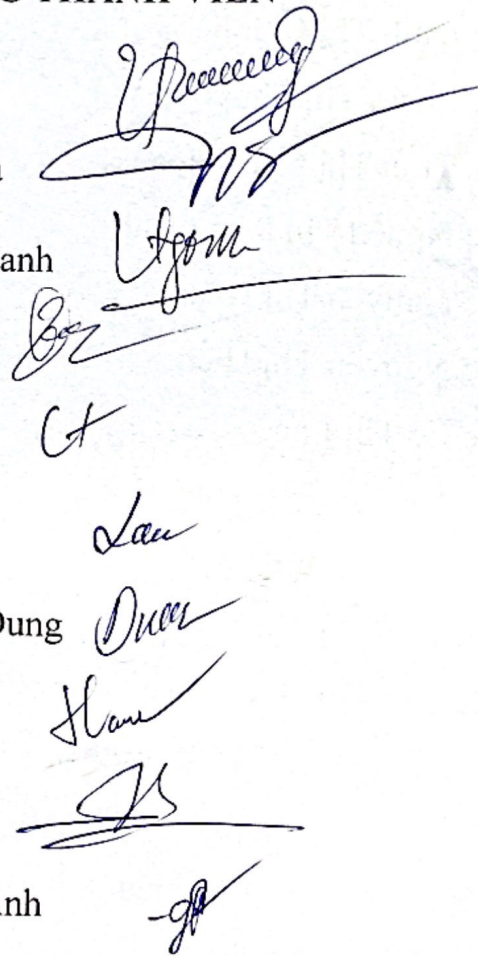
Nguyễn Thị Vui



Đinh Thị Chinh

CÁC THÀNH VIÊN

- 1 Đ/c Phạm Thị Thuỷ
- 2 Đ/c Trần Thị Ngọc Hoa
- 3 Đ/c Nguyễn Thị Kim Oanh
- 4 Đ/c Nguyễn Thị Hoạt
- 5 Đ/c Nguyễn Thị Hiền
- 6 Đ/c Lê Thị Lan
- 7 Đ/c Nguyễn Thị Thuỳ Dung
- 8 Đ/c Khúc Thị Kim Hoa
- 9 Đ/c Nguyễn Đức Thuần
- 10 Đ/c Nguyễn Thị Ngọc Anh



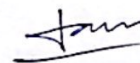
UBND THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHẢ LẠI

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÁC MÔN HỌC ĐÁNH GIÁ BẰNG ĐIỂM SỐ
CUỐI HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	KHỐI	Số	HSKT	HS đánh giá	Môn Tiếng Việt								Môn Toán							
					9-10		7-8		5-6		Dưới 5		9-10		7-8		5-6		Dưới 5	
					SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	I	294	1	293	234	79,9	46	15,7	9	3,1	4	1,4	274	93,5	12	4,1	3	1,0	4	1,4
2	II	310	3	307	221	72,0	67	21,8	19	6,2	0	0,0	249	81,1	45	14,7	13	4,2	0	0,0
3	III	291	0	291	192	66,0	62	21,3	37	12,7	0	0,0	213	73,2	53	18,2	25	8,6	0	0,0
4	IV	347	3	344	236	68,6	92	26,7	16	4,7	0	0,0	277	80,5	52	15,1	15	4,4	0	0,0
5	V	320	1	319	256	80,3	60	18,8	3	0,9	0	0,0	267	83,7	42	13,2	10	3,1	0	0,0
CỘNG		1562	8	1554	1139	73,3	327	21,0	84	5,4	4	0,3	1280	82,4	204	13,1	66	4,2	4	0,3

Phả Lại, ngày 21 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI TỔNG HỢP



Hoàng Thị Thanh Tâm



UBND THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHẢ LẠI

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÁC MÔN HỌC ĐÁNH GIÁ BẰNG ĐIỂM SỐ
CUỐI HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	KHỐI	Số số	HSKT	HS đánh giá	Môn Tiếng Anh								Môn Tin học							
					9-10		7-8		5-6		Dưới 5		9-10		7-8		5-6		Dưới 5	
					SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	I	294	1	293	227	77,5	55	18,8	8	2,7	3	1,0								
2	II	310	3	307	235	76,5	61	19,9	11	3,6	0	0,0								
3	III	291	0	291	193	66,3	75	25,8	23	7,9	0	0,0	179	61,5	88	30,2	24	8,2	0	0,0
4	IV	347	3	344	245	71,2	80	23,3	19	5,5	0	0,0	218	63,4	105	30,5	21	6,1	0	0,0
5	V	320	1	319	208	65,2	89	27,9	22	6,9	0	0,0	217	68,0	92	28,8	10	3,1	0	0,0
CỘNG		1562	8	1554	1108	71,3	360	23,2	83	5,3	3	0,2	614	39,5	285	18,3	55	3,5	0	0,0

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
PHẢ LẠI
Đinh Thị Chinh

Phả Lại, ngày 21 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI TỔNG HỢP

Hoàng Thị Thanh Tâm

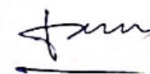
UBND THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHẢ LẠI

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÁC MÔN HỌC ĐÁNH GIÁ BẰNG ĐIỂM SỐ
CUỐI HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	KHỐI	Số số	HSKT	HS đánh giá	Môn Công nghệ								Môn Lịch sử và Địa lý								Môn Khoa học							
					9-10		7-8		5-6		Dưới 5		9-10		7-8		5-6		Dưới 5		9-10		7-8		5-6		Dưới 5	
					SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	I	294	1	293																								
2	II	310	3	307																								
3	III	291	0	291	212	72,9	65	22,3	14	4,8	0	0,0																
4	IV	347	3	344	274	79,7	64	18,6	6	1,7	0	0,0	264	76,7	65	18,9	15	4,4	0	0,0	287	83,4	52	15,1	5	1,5	0	0,0
5	V	320	1	319	264	82,8	45	14,1	10	3,1	0	0,0	256	80,3	53	16,6	10	3,1	0	0,0	281	88,1	34	10,7	4	1,3	0	0,0
CỘNG		1562	8	1554	750	48,3	174	11,2	30	1,9	0	0,0	520	33,5	118	7,6	25	1,6	0	0,0	568	36,6	86	5,5	9	0,6	0	0,0

Phả Lại, ngày 21 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI TỔNG HỢP



Hoàng Thị Thanh Tâm



TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 -2025

STT	GV/CN	Lớp	Số	HSKT	HS được đánh giá	Tiếng Việt			Toán		
						HTT	HT	CHT	HTT	HT	CHT
1	Nguyễn Thị Hiền	1A	31		31	28	3		31	0	
2	Trần Thị Khánh	1B	30		30	24	6		27	3	
3	Trần Thị Phương	1C	32		32	27	5		29	3	
4	Hoàng T Minh Thuý	1D	30		30	26	4		29	1	
5	Nguyễn Thị Hồng	1E	31		31	27	4		31	0	
6	Thái Thị Thu Hương	1G	40		40	34	5	1	37	2	1
7	Nguyễn Thị Hương	1H	39		39	31	8		36	3	
8	Nguyễn Thị Minh	1I	41		41	29	10	2	32	7	2
9	Trần Thị Gái Mai	1K	20	1	19	14	4	1	15	3	1
TỔNG KHỐI 1			294	1	293	240	49	4	267	22	4
10	Nguyễn T Thu Uyên	2A	38	1	37	30	7		29	8	
11	Nguyễn Thị Tuyết A	2B	36		36	27	9		28	8	
12	Phượng Thị Hồng	2C	39		39	31	8		33	6	
13	Cao Thị Trang	2D	39		39	31	8		31	8	
14	Nguyễn Thị Tuyết B	2E	36		36	28	8		31	5	
15	Lương Thị Lan	2G	35		35	23	12		29	6	
16	Trần Thị Dịu	2H	33		33	23	10		27	6	
17	Nguyễn Thị Hường	2I	36		36	26	10		26	10	
18	Trần Thị Hậu	2K	18	2	16	12	4		13	3	
TỔNG KHỐI 2			310	3	307	231	76	0	247	60	0
19	Lê Thị Lan	3A	38		38	28	10		26	12	
20	Nguyễn Thạch Lan	3B	34		34	18	16		23	11	
21	Khúc Thị Kim Hoa	3C	40		40	23	17		24	16	
22	Lê Thị Liễu	3D	42		42	28	14		29	13	
23	Ng T Thanh Hằng	3E	35		35	26	9		28	7	
24	Mạc Minh Phượng	3G	33		33	24	9		26	7	
25	Hoàng T Thu Hiền	3H	34		33	24	10		23	11	
26	Nguyễn Thị Hằng	3I	35		35	22	13		24	11	
TỔNG KHỐI 3			291	0	290	193	98	0	203	88	0



27	Vũ Thị Vân	4A	33		33	22	11		24	9	
28	Phương T Thanh Hải	4B	37		37	27	10		31	6	
29	Nguyễn Thị Hạnh	4C	36		36	23	13		23	13	
30	Phạm Thị Hà	4D	38	1	37	28	9		29	8	
31	Lê Thị Ngọc Nga	4E	36	1	35	29	6		30	5	
32	Nguyễn T Khánh Hoà	4G	33		33	25	8		29	4	
33	Nguyễn T Kim Anh	4H	32		32	23	9		26	6	
34	Phạm Thị Lan Anh	4I	35		35	19	16		25	10	
35	Nguyễn Thị Hương	4K	32		32	19	13		25	7	
36	Trần Thị Quỳnh	4Q	35	1	34	22	12		27	7	
TỔNG KHỐI 4			347	3	344	237	107	0	269	75	0
37	Nguyễn T Kim Oanh	5A	37		37	26	11		26	11	
38	Trần Thị Vân	5B	37		37	32	5		32	5	
39	Nguyễn Thị Hải Yến	5C	37		37	30	7		36	1	
40	Đông Thị Chiên	5D	39		39	33	6		32	7	
41	Lương Thị Oanh	5E	38		38	32	6		32	6	
42	Nguyễn Thị Nga	5G	31	1	30	17	8		19	11	
43	Phạm Thị Tuyết	5H	32		32	24	8		23	9	
44	Mai Thị Vinh	5I	35		35	22	13		23	12	
45	Nguyễn Thị Hoạt	5K	34		34	26	8		32	2	
TỔNG KHỐI 5			320	1	319	242	72	0	255	64	0
TOÀN TRƯỞNG			1562	8	1553	1143	402	4	1241	309	4

UBND THÀNH PHỐ CHÍ LÍNH
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHẢ LẠI

TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 -2025

STT	GVCN	Lớp	Số số	HSKT	HS được đánh giá	Tiếng Anh			Tin học		
						HTT	HT	CHT	HTT	HT	CHT
1	Nguyễn Thị Hiền	1A	31		31	31	0				
2	Trần Thị Khánh	1B	30		30	22	8				
3	Trần Thị Phụng	1C	32		32	29	3				
4	Hoàng T Minh Thủy	1D	30		30	29	1				
5	Nguyễn Thị Hồng	1E	31		31	23	8				
6	Thái Thị Thu Hương	1G	40		40	34	5	1			
7	Nguyễn Thị Hương	1H	39		39	31	8				
8	Nguyễn Thị Minh	1I	41		41	19	20	2			
9	Trần Thị Gái Mai	1K	20	1	19	15	4				
TỔNG KHỐI 1			294	1	293	233	57	3	0	0	0
10	Nguyễn T Thu Uyên	2A	38	1	37	29	8				
11	Nguyễn Thị Tuyết A	2B	36		36	35	1				
12	Phượng Thị Hồng	2C	39		39	33	6				
13	Cao Thị Trang	2D	39		39	30	9				
14	Nguyễn Thị Tuyết B	2E	36		36	35	1				
15	Lương Thị Lan	2G	35		35	26	9				
16	Trần Thị Dịu	2H	33		33	29	4				
17	Nguyễn Thị Hương	2I	36		36	21	15				
18	Trần Thị Hậu	2K	18	2	16	13	3				
TỔNG KHỐI 2			310	3	307	251	56	0	0	0	0
19	Lê Thị Lan	3A	38		38	29	9		24	14	
20	Nguyễn Thạch Lan	3B	34		34	21	13		17	17	
21	Khúc Thị Kim Hoa	3C	40		40	18	22		24	16	
22	Lê Thị Liễu	3D	42		42	27	15		27	15	
23	Ng T Thanh Hằng	3E	35		35	27	8		27	8	
24	Mạc Minh Phượng	3G	33		33	21	12		23	10	
25	Hoàng T Thu Hiền	3H	34		33	24	10		22	10	
26	Nguyễn Thị Hằng	3I	35		35	20	15		17	18	
TỔNG KHỐI 3			291	0	290	187	104	0	181	108	0

27	Vũ Thị Vân	4A	33		33	22	11		19	14	
28	Phương T Thanh Hải	4B	37		37	29	8		31	6	
29	Nguyễn Thị Hạnh	4C	36		36	21	15		22	14	
30	Phạm Thị Hà	4D	38	1	37	28	9		27	10	
31	Lê Thị Ngọc Ngà	4E	36	1	35	28	7		25	10	
32	Nguyễn T Khánh Hoà	4G	33		33	24	9		21	12	
33	Nguyễn T Kim Anh	4H	32		32	18	14		18	14	
34	Phạm Thị Lan Anh	4I	35		35	21	14		20	15	
35	Nguyễn Thị Hương	4K	32		32	24	8		18	14	
36	Trần Thị Quỳnh	4Q	35	1	34	27	7		19	15	
TỔNG KHỐI 4			347	3	344	242	102	0	220	124	0
37	Nguyễn T Kim Oanh	5A	37		37	18	19		20	17	
38	Trần Thị Vân	5B	37		37	26	9		30	7	
39	Nguyễn Thị Hải Yến	5C	37		37	30	7		29	8	
40	Đông Thị Chiên	5D	39		39	29	10		34	5	
41	Lương Thị Oanh	5E	38		38	22	16		29	9	
42	Nguyễn Thị Nga	5G	31	1	30	18	12		17	13	
43	Phạm Thị Tuyết	5H	32		32	19	13		19	13	
44	Mai Thị Vinh	5I	35		35	21	14		21	14	
45	Nguyễn Thị Hoạt	5K	34		34	21	13		20	14	
TỔNG KHỐI 5			320	1	319	204	113	0	219	100	0
TOÀN TRƯỜNG			1562	8	1553	1117	432	3	620	332	0

**TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 -2025**

STT	GVCN	Lớp	Số số	HSKT	HS được đánh giá	Công nghệ			Khoa học		
						HTT	HT	CHT	HTT	HT	CHT
1	Nguyễn Thị Hiền	1A	31		31						
2	Trần Thị Khánh	1B	30		30						
3	Trần Thị Phương	1C	32		32						
4	Hoàng T Minh Thuý	1D	30		30						
5	Nguyễn Thị Hồng	1E	31		31						
6	Thái Thị Thu Hương	1G	40		40						
7	Nguyễn Thị Hương	1H	39		39						
8	Nguyễn Thị Minh	1I	41		41						
9	Trần Thị Gái Mai	1K	20	1	19						
TỔNG KHỐI 1			294	1	293	0	0	0	0	0	0
10	Nguyễn T Thu Uyên	2A	38	1	37						
11	Nguyễn Thị Tuyết A	2B	36		36						
12	Phượng Thị Hồng	2C	39		39						
13	Cao Thị Trang	2D	39		39						
14	Nguyễn Thị Tuyết B	2E	36		36						
15	Lương Thị Lan	2G	35		35						
16	Trần Thị Dịu	2H	33		33						
17	Nguyễn Thị Hường	2I	36		36						
18	Trần Thị Hậu	2K	18	2	16						
TỔNG KHỐI 2			310	3	307	0	0	0	0	0	0
19	Lê Thị Lan	3A	38		38	29	9	0			
20	Nguyễn Thạch Lan	3B	34		34	22	12	0			
21	Khúc Thị Kim Hoa	3C	40		40	28	12	0			
22	Lê Thị Liễu	3D	42		42	32	10	0			
23	Ng T Thanh Hằng	3E	35		35	28	7	0			
24	Mạc Minh Phượng	3G	33		33	29	4	0			
25	Hoàng T Thu Hiền	3H	34		33	25	9	0			
26	Nguyễn Thị Hằng	3I	35		35	22	13	0			
TỔNG KHỐI 3			291	0	290	215	76	0	0	0	0

27	Vũ Thị Vân	4A	33		33	25	8	0	24	9	
28	Phương T Thanh Hải	4B	37		37	27	10	0	33	4	
29	Nguyễn Thị Hạnh	4C	36		36	30	6	0	32	4	
30	Phạm Thị Hà	4D	38	1	37	30	7	0	35	2	
31	Lê Thị Ngọc Nga	4E	36	1	35	33	2	0	34	1	
32	Nguyễn T Khánh Hoà	4G	33		33	25	8	0	27	6	
33	Nguyễn T Kim Anh	4H	32		32	25	7	0	22	10	
34	Phạm Thị Lan Anh	4I	35		35	31	4	0	25	10	
35	Nguyễn Thị Hương	4K	32		32	24	8	0	26	7	
36	Trần Thị Quỳnh	4Q	35	1	34	24	10	0	27	7	
TỔNG KHỐI 4			347	3	344	274	70	0	285	60	0
37	Nguyễn T Kim Oanh	5A	37		37	29	8	0	32	5	
38	Trần Thị Vân	5B	37		37	33	4	0	31	6	
39	Nguyễn Thị Hải Yến	5C	37		37	33	4	0	36	1	
40	Đông Thị Chiên	5D	39		39	33	6	0	34	5	
41	Lương Thị Oanh	5E	38		38	34	4	0	35	3	
42	Nguyễn Thị Nga	5G	31	1	30	23	7	0	21	9	
43	Phạm Thị Tuyết	5H	32		32	24	8	0	27	5	
44	Mai Thị Vinh	5I	35		35	30	5	0	24	11	
45	Nguyễn Thị Hoạt	5K	34		34	27	7	0	25	9	
TỔNG KHỐI 5			320	1	319	266	53	0	265	54	0
TOÀN TRƯỞNG			1562	8	1553	755	199	0	550	114	0

**TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 -2025**

STT	GVCN	Lớp	Số số	HSKT	HS được đánh giá	Lịch sử - Địa lý			Đạo đức		
						HTT	HT	CHT	HTT	HT	CHT
1	Nguyễn Thị Hiền	1A	31		31				29	2	
2	Trần Thị Khánh	1B	30		30				27	3	
3	Trần Thị Phụng	1C	32		32				29	3	
4	Hoàng T Minh Thuý	1D	30		30				26	4	
5	Nguyễn Thị Hồng	1E	31		31				26	5	
6	Thái Thị Thu Hương	1G	40		40				31	8	1
7	Nguyễn Thị Hương	1H	39		39				31	8	
8	Nguyễn Thị Minh	1I	41		41				30	11	
9	Trần Thị Gái Mai	1K	20	1	19				14	5	
TỔNG KHỐI 1			294	1	293	0	0	0	243	49	1
10	Nguyễn T Thu Uyên	2A	38	1	37				29	8	
11	Nguyễn Thị Tuyết A	2B	36		36				29	7	
12	Phượng Thị Hồng	2C	39		39				32	7	
13	Cao Thị Trang	2D	39		39				35	4	
14	Nguyễn Thị Tuyết B	2E	36		36				31	5	
15	Lương Thị Lan	2G	35		35				27	8	
16	Trần Thị Dịu	2H	33		33				27	6	
17	Nguyễn Thị Hương	2I	36		36				29	7	
18	Trần Thị Hậu	2K	18	2	16				14	2	
TỔNG KHỐI 2			310	3	307	0	0	0	253	54	0
19	Lê Thị Lan	3A	38		38				33	5	
20	Nguyễn Thạch Lan	3B	34		34				24	10	
21	Khúc Thị Kim Hoa	3C	40		40				32	8	
22	Lê Thị Liễu	3D	42		42				28	14	
23	Ng T Thanh Hằng	3E	35		35				30	5	
24	Mạc Minh Phượng	3G	33		33				22	11	
25	Hoàng T Thu Hiền	3H	34		33				23	11	
26	Nguyễn Thị Hằng	3I	35		35				22	13	
TỔNG KHỐI 3			291	0	290	0	0	0	214	77	0

27	Vũ Thị Vân	4A	33		33	25	8		27	6	
28	Phường T Thanh Hải	4B	37		37	29	8		26	11	
29	Nguyễn Thị Hạnh	4C	36		36	30	6		29	7	
30	Phạm Thị Hà	4D	38	1	37	29	8		27	10	
31	Lê Thị Ngọc Ngà	4E	36	1	35	32	3		33	2	
32	Nguyễn T Khánh Hoà	4G	33		33	27	6		27	6	
33	Nguyễn T Kim Anh	4H	32		32	24	8		24	8	
34	Phạm Thị Lan Anh	4I	35		35	23	12		24	11	
35	Nguyễn Thị Hương	4K	32		32	25	7		23	9	
36	Trần Thị Quỳnh	4Q	35	1	34	23	11		22	12	
TỔNG KHỐI 4			347	3	344	267	77	0	262	82	0
37	Nguyễn T Kim Oanh	5A	37		37	29	8		22	15	
38	Trần Thị Vân	5B	37		37	31	6		37	0	
39	Nguyễn Thị Hải Yến	5C	37		37	34	3		34	3	
40	Đổng Thị Chiên	5D	39		39	31	8		31	8	
41	Lương Thị Oanh	5E	38		38	31	7		32	6	
42	Nguyễn Thị Nga	5G	31	1	30	24	6		19	11	
43	Phạm Thị Tuyết	5H	32		32	19	13		23	9	
44	Mai Thị Vinh	5I	35		35	25	10		26	9	
45	Nguyễn Thị Hoạt	5K	34		34	24	10		29	5	
TỔNG KHỐI 5			320	1	319	248	71	0	253	66	0
TOÀN TRƯỞNG			1562	8	1553	515	148	0	1225	328	1

**TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 -2025**

STT	GVCN	Lớp	Số	HSKT	HS được đánh giá	Tự nhiên và xã hội			Âm nhạc		
						HTT	HT	CHT	HTT	HT	CHT
1	Nguyễn Thị Hiền	1A	31		31	28	3		28	3	
2	Trần Thị Khánh	1B	30		30	26	4		26	4	
3	Trần Thị Phương	1C	32		32	27	5		28	4	
4	Hoàng T Minh Thuý	1D	30		30	26	4		26	4	
5	Nguyễn Thị Hồng	1E	31		31	27	4		26	5	
6	Thái Thị Thu Hương	1G	40		40	31	8	1	31	8	
7	Nguyễn Thị Hương	1H	39		39	30	9		30	9	
8	Nguyễn Thị Minh	1I	41		41	28	11	2	28	13	
9	Trần Thị Gái Mai	1K	20	1	19	13	6		12	7	
TỔNG KHỐI 1			294	1	293	236	54	3	235	57	0
10	Nguyễn T Thu Uyên	2A	38	1	37	29	8		30	7	
11	Nguyễn Thị Tuyết A	2B	36		36	29	7		27	9	
12	Phượng Thị Hồng	2C	39		39	31	8		30	9	
13	Cao Thị Trang	2D	39		39	33	6		30	9	
14	Nguyễn Thị Tuyết B	2E	36		36	30	6		29	7	
15	Lương Thị Lan	2G	35		35	27	8		25	10	
16	Trần Thị Dịu	2H	33		33	24	9		24	9	
17	Nguyễn Thị Hường	2I	36		36	29	7		26	10	
18	Trần Thị Hậu	2K	18	2	16	13	3		10	6	
TỔNG KHỐI 2			310	3	307	245	62	0	231	76	0
19	Lê Thị Lan	3A	38		38	30	8		29	9	
20	Nguyễn Thạch Lan	3B	34		34	23	11		18	16	
21	Khúc Thị Kim Hoa	3C	40		40	32	8		31	9	
22	Lê Thị Liễu	3D	42		42	30	12		30	12	
23	Ng T Thanh Hằng	3E	35		35	30	5		24	11	
24	Mạc Minh Phương	3G	33		33	22	11		21	12	
25	Hoàng T Thu Hiền	3H	34		33	23	11		23	11	
26	Nguyễn Thị Hằng	3I	35		35	21	14		20	15	
TỔNG KHỐI 3			291	0	290	211	80	0	196	95	0

27	Vũ Thị Vân	4A	33		33				18	15	
28	Phùng T Thanh Hải	4B	37		37				27	10	
29	Nguyễn Thị Hạnh	4C	36		36				19	17	
30	Phạm Thị Hà	4D	38	1	37				25	12	
31	Lê Thị Ngọc Nga	4E	36	1	35				28	7	
32	Nguyễn T Khánh Hoà	4G	33		33				19	14	
33	Nguyễn T Kim Anh	4H	32		32				19	13	
34	Phạm Thị Lan Anh	4I	35		35				18	17	
35	Nguyễn Thị Hương	4K	32		32				17	17	
36	Trần Thị Quỳnh	4Q	35	1	34				18	16	
TỔNG KHỐI 4			347	3	344	0	0	0	208	138	0
37	Nguyễn T Kim Oanh	5A	37		37				17	20	
38	Trần Thị Vân	5B	37		37				30	7	
39	Nguyễn Thị Hải Yến	5C	37		37				28	9	
40	Đổng Thị Chiên	5D	39		39				29	10	
41	Lương Thị Oanh	5E	38		38				30	8	
42	Nguyễn Thị Nga	5G	31	1	30				17	13	
43	Phạm Thị Tuyết	5H	32		32				17	15	
44	Mai Thị Vinh	5I	35		35				21	14	
45	Nguyễn Thị Hoạt	5K	34		34				19	15	
TỔNG KHỐI 5			320	1	319	0	0	0	208	111	0
TOÀN TRƯỞNG			1562	8	1553	692	196	3	1078	477	0

**TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 -2025**

STT	GVCN	Lớp	Số số	HSKT	HS được đánh giá	Mỹ thuật			Giáo dục thể chất			Hoạt động trải nghiệm		
						HTT	HT	CHT	HTT	HT	CHT	HTT	HT	CHT
1	Nguyễn Thị Hiền	1A	31		31	28	3		29	2		29	2	
2	Trần Thị Khánh	1B	30		30	26	4		26	4		28	2	
3	Trần Thị Phụng	1C	32		32	28	4		28	4		29	3	
4	Hoàng T Minh Thủy	1D	30		30	26	4		26	4		26	4	
5	Nguyễn Thị Hồng	1E	31		31	26	5		27	4		26	5	
6	Thái Thị Thu Hương	1G	40		40	31	9		32	8		31	8	1
7	Nguyễn Thị Hương	1H	39		39	31	8		32	7		31	8	
8	Nguyễn Thị Minh	1I	41		41	28	13		28	13		30	11	
9	Trần Thị Gái Mai	1K	20	1	19	12	7		13	6		13	6	
TỔNG KHỐI 1			294	1	293	236	57	0	241	52	0	243	49	1
10	Nguyễn T Thu Uyên	2A	38	1	37	29	8		30	7		29	8	
11	Nguyễn Thị Tuyết A	2B	36		36	28	8		30	6		29	7	
12	Phượng Thị Hồng	2C	39		39	31	8		30	9		33	6	
13	Cao Thị Trang	2D	39		39	30	9		33	5		32	7	
14	Nguyễn Thị Tuyết B	2E	36		36	29	7		32	4		32	4	
15	Lương Thị Lan	2G	35		35	22	13		23	12		27	8	
16	Trần Thị Dịu	2H	33		33	24	9		24	9		24	9	
17	Nguyễn Thị Hường	2I	36		36	26	10		26	10		29	7	
18	Trần Thị Hậu	2K	18	2	16	10	6		13	3		13	3	
TỔNG KHỐI 2			310	3	307	229	78	0	241	65	0	248	59	0
19	Lê Thị Lan	3A	38		38	29	9		29	9		32	6	
20	Nguyễn Thạch Lan	3B	34		34	18	16		20	14		23	11	
21	Khúc Thị Kim Hoa	3C	40		40	31	9		33	7		31	9	
22	Lê Thị Liễu	3D	42		42	28	14		31	11		29	13	
23	Ng T Thanh Hằng	3E	35		35	26	9		30	5		30	5	
24	Mạc Minh Phượng	3G	33		33	22	11		27	6		22	11	
25	Hoàng T Thu Hiền	3H	34		33	21	13		28	6		23	11	
26	Nguyễn Thị Hằng	3I	35		35	20	15		22	13		22	13	
TỔNG KHỐI 3			291	0	290	195	96	0	220	71	0	212	79	0



27	Vũ Thị Vân	4A	33		33	20	13		24	9		25	8	
28	Phuong T Thanh Hải	4B	37		37	26	11		28	9		28	9	
29	Nguyễn Thị Hạnh	4C	36		36	19	17		25	11		27	9	
30	Phạm Thị Hà	4D	38	1	37	24	13		30	7		27	10	
31	Lê Thị Ngọc Nga	4E	36	1	35	26	9		32	3		33	2	
32	Nguyễn T Khánh Hoà	4G	33		33	20	13		21	12		27	6	
33	Nguyễn T Kim Anh	4H	32		32	18	14		21	11		23	9	
34	Phạm Thị Lan Anh	4I	35		35	19	16		25	10		23	12	
35	Nguyễn Thị Hương	4K	32		32	17	17		20	12		22	10	
36	Trần Thị Quỳnh	4Q	35	1	34	20	14		20	14		21	13	
TỔNG KHỐI 4			347	3	344	209	137	0	246	98	0	256	88	0
37	Nguyễn T Kim Oanh	5A	37		37	19	18		28	10		28	9	
38	Trần Thị Vân	5B	37		37	31	6		30	7		32	5	
39	Nguyễn Thị Hải Yến	5C	37		37	27	10		29	8		36	1	
40	Đông Thị Chiên	5D	39		39	30	9		33	6		32	7	
41	Lương Thị Oanh	5E	38		38	28	10		26	12		28	10	
42	Nguyễn Thị Nga	5G	31	1	30	17	13		23	7		21	9	
43	Phạm Thị Tuyết	5H	32		32	17	15		25	7		23	9	
44	Mai Thị Vinh	5I	35		35	19	16		28	7		20	10	
45	Nguyễn Thị Hoạt	5K	34		34	20	14		24	10		29	5	
TỔNG KHỐI 5			320	1	319	208	111	0	246	74	0	249	65	0
TOÀN TRƯỞNG			1562	8	1553	1077	479	0	1194	360	0	1208	340	1



Phả Lại, ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI TỔNG HỢP

Hoàng Thị Thanh Tâm

TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 -2025

STT	GVCN	Lớp	Số	HSKT	HS được đánh giá	HS Xuất sắc		HS Tiêu biểu		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Nguyễn Thị Hiền	1A	31		31	28	90,3	0	0	3	9.1		
2	Trần Thị Khánh	1B	30		30	23	76,7	3	10	7	23.1		
3	Trần Thị Phụng	1C	32		32	23	71,9	3	9,4	9	28.1		
4	Hoàng T Minh Thuý	1D	30		30	26	86,7	0	0	4	13.1		
5	Nguyễn Thị Hồng	1E	31		31	26	83,9	0	0	5	16.1		
6	Thái Thị Thu Hương	1G	40		40	31	77,5	0	0	8	20.1	1	2,5
7	Nguyễn Thị Hương	1H	39		39	28	71,8	0	0	11	28.1		
8	Nguyễn Thị Minh	1I	41		41	25	61,0	3	7,3	14	3.2	2	4,9
9	Trần Thị Gái Mai	1K	20	1	19	12	63,2	0	0	6	31.1	1	5,3
TỔNG KHỐI 1			294	1	293	222	75,8	9	3,1	67	22.1	4	1,4
10	Nguyễn T Thu Uyên	2A	38	1	37	27	73,0	2	5,4	8	21.1		
11	Nguyễn Thị Tuyết A	2B	36		36	26	72,2	0	0,0	10	27.1		
12	Phượng Thị Hồng	2C	39		39	26	66,7	1	2,6	12	30.1		
13	Cao Thị Trang	2D	39		39	26	66,7	4	10,3	9	23.1		
14	Nguyễn Thị Tuyết B	2E	36		36	26	72,2	3	8,3	7	19.1		
15	Lương Thị Lan	2G	35		35	22	62,9	0	0,0	13	6.2		
16	Trần Thị Dịu	2H	33		33	22	66,7	1	3,0	10	30.1		
17	Nguyễn Thị Hương	2I	36		36	19	52,8	7	19,4	10	27.1		
18	Trần Thị Hậu	2K	18	2	16	10	62,5	0	0,0	6	6.2		
TỔNG KHỐI 2			310	3	307	204	66,4	18	5,9	85	27.1	0	0,0
19	Lê Thị Lan	3A	38		38	23	60,5	1	2,6	14	5.2		
20	Nguyễn Thạch Lan	3B	34		34	15	44,1	2	5,9	17	19.2		
21	Khúc Thị Kim Hoa	3C	40		40	21	52,5	5	12,5	14	4.2		
22	Lê Thị Liễu	3D	42		42	22	52,4	4	9,5	16	7.2		
23	Ng T Thanh Hằng	3E	35		35	21	60,0	3	8,6	35	9.4		
24	Mạc Minh Phượng	3G	33		33	17	51,5	2	6,1	33	9.4		
25	Hoàng T Thu Hiền	3H	34		34	15	44,1	6	17,6	33	6.4		
26	Nguyễn Thị Hằng	3I	35		35	14	40,0	3	8,6	18	20.2		
TỔNG KHỐI 3			291	0	291	148	50,9	26	8,9	180	1.3	0	0,0
27	Vũ Thị Vân	4A	33		33	17	51,5	1	3,0	15	14.2		
28	Phượng T Thanh Hải	4B	37		37	24	64,9	2	5,4	9	24.1		
27	Nguyễn Thị Hạnh	4C	36		36	16	44,4	3	8,3	17	16.2		
30	Phạm Thị Hà	4D	38	1	37	21	56,8	2	5,4	14	6.2		
31	Lê Thị Ngọc Nga	4E	36	1	35	22	62,9	1	2,9	12	3.2		
32	Nguyễn T Khánh Hoà	4G	33		33	17	51,5	1	3,0	15	14.2		

STT	GVCN	Lớp	Số số	HSKT	HS được đánh giá	HS Xuất sắc		HS Tiêu biểu		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
						SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
33	Nguyễn T Kim Anh	4H	32		32	17	53,1	1	3,1	14	12.2		
34	Phạm Thị Lan Anh	4I	35		35	16	45,7	1	2,9	18	20.2		
35	Nguyễn Thị Hương	4K	32		32	16	50,0	1	3,1	15	15.2		
36	Trần Thị Quỳnh	4Q	35	1	34	15	44,1	3	8,8	16	16.2		
TỔNG KHỐI 4			347	3	344	181	52,6	16	4,7	145	11.2	0	0,0
37	Nguyễn T Kim Oanh	5A	37		37	15	40,5	0	0,0	22	28.2		
38	Trần Thị Vân	5B	37		37	24	64,9	5	13,5	8	21.1		
39	Nguyễn Thị Hải Yến	5C	37		37	24	64,9	1	2,7	12	1.2		
40	Đông Thị Chiên	5D	39		39	28	71,8	1	2,6	10	25.1		
41	Lương Thị Oanh	5E	38		38	20	52,6	1	2,6	17	13.2		
42	Nguyễn Thị Nga	5G	31	1	30	17	56,7	1	3,3	13	12.2		
43	Phạm Thị Tuyết	5H	32		32	17	53,1	0	0,0	15	15.2		
44	Mai Thị Vinh	5I	35		35	17	48,6	1	2,9	17	17.2		
45	Nguyễn Thị Hoạt	5K	34		34	18	52,9	0	0,0	16	16.2		
TỔNG KHỐI 5			320	1	319	180	56,4	10	3,1	130	9.2	0	0,0
TOÀN TRƯỞNG			1562	8	1554	935	60,2	79	5,1	607	8.2	4	0,3



HIỆU TRƯỞNG
Đinh Thị Chính

Phả Lại, ngày 25 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI TÓNG HỢP

[Signature]
 Hoàng Thị Thanh Tâm

Phả Lại, ngày 29 tháng 06 năm 2025

BIÊN BẢN

V/v kết thúc niên yết công khai chất lượng giáo dục cuối năm học 2024-2025

Hôm nay, vào hồi 16h ngày 29 tháng 06 năm 2025

Tại: Trường Tiểu học Phả Lại. Chúng tôi gồm:

- | | |
|-----------------------------|---------------------------------------|
| 1. Đ/c Đinh Thị Chinh | Hiệu trưởng – Bí thư Chi bộ - Chủ tọa |
| 2. Đ/c Phạm Thị Thuỷ | Phó HT – Phó BTCB- PHT |
| 3. Đ/c Trần Thị Ngọc Hoa | Phó hiệu trưởng |
| 4. Đ/c Nguyễn Thị Kim Oanh | CTCB |
| 5. Đ/c Nguyễn Thị Hoạt | Tổ trưởng tổ 4+5 |
| 6. Đ/c Nguyễn Thị Hiền | Tổ trưởng tổ 1 |
| 7. Đ/c Lê Thị Lan | Tổ trưởng 2+3 |
| 8. Đ/c Nguyễn Thị Thuỷ Dung | Tổ trưởng tổ môn Chuyên |
| 9. Đ/c Khúc Thị Kim Hoa | Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 10. Đ/c Nguyễn Thị Vui | Bí thư đoàn thanh niên – Thư ký |
| 11. Đ/c Nguyễn Đức Thuần | Tổng phụ trách Đội |
| 12. Đ/c Nguyễn Thị Ngọc Anh | Kế toán- TT tổ VP |

Lập biên bản về việc kết thúc niên yết công khai chất lượng giáo dục cuối năm học 2024-2025.

Bảng công khai được niêm yết liên tục 30 ngày, từ ngày 30 tháng 05 năm 2025 tại bảng tin nhà trường và không có ý kiến phản hồi nào. Trường Tiểu học Phả Lại tiến hành lập biên bản kết thúc niên yết công khai chất lượng giáo dục cuối năm học 2024-2025.

Biên bản lập xong hồi 17h30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Vui



Đinh Thị Chính

CÁC THÀNH VIÊN

- 1 Đ/c Phạm Thị Thuỷ
- 2 Đ/c Trần Thị Ngọc Hoa
- 3 Đ/c Nguyễn Thị Kim Oanh
- 4 Đ/c Nguyễn Thị Hoạt
- 5 Đ/c Nguyễn Thị Hiền
- 6 Đ/c Lê Thị Lan
- 7 Đ/c Nguyễn Thị Thuỷ Dung
- 8 Đ/c Khúc Thị Kim Hoa
- 9 Đ/c Nguyễn Đức Thuần
- 10 Đ/c Nguyễn Thị Ngọc Anh

